TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2026/HS- PT
Ngày: 28/01//2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng.**

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân** và ông **Trần Đức Kiên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Hưng** - Thẩm tra viên Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 318/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P về tội *"Tham ô tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng P, sinh ngày: 20/6/1974 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú; Ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Chổ ở: số E N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M (đã chết); Có vợ: Nguyễn Kiều T, sinh năm 1987, Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Ngày 14/5/2004, bị Toà án nhân dân thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 05 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo Bản án số 21/HS-ST.

Ngày 24/8/2004, bị Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tuyên phạt 05 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo Bản án số 72/HSST. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 10 năm tù. Nguyễn Hoàng P chấp hành án tại Trại giam A Bộ C1 từ ngày 17/12/2004 đến ngày 30/8/2010 thì được

giảm án hết thời hạn chấp hành án phạt tù; chưa chấp hành xong phần đóng án phí, bồi thường dân sự đối với 02 bản án trên. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh K. Có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bào chữa cho bị cáo*** Nguyễn Hoàng P***:*** Ông Đặng Trường T1, bà Bùi Thị N - Luật sư Văn phòng luật Đặng Văn P1 thuộc đoàn luật sư tỉnh K; Địa chỉ: A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; đều có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH V1 Chi nhánh K1. Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T2 - Chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Đào Thanh T3 - Luật sư Công ty L3, Đoàn Luật sư tỉnh K; Địa chỉ: D T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH G; địa chỉ: B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu M1 - Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Cao Thị Thu N1, sinh năm 1983 - Chủ Cửa hàng trang trí nội thất - Vật liệu xây dựng N. Nơi cư trú: số C Đ, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên hệ: số A L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971 - Chủ Cửa hàng T8. Nơi cư trú: Khu phố G, T, thành phố P - T, tinh Ninh Thuận. Địa chỉ liên hệ: TN58 T, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ A ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên hệ: Thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977. Địa chỉ: 1 V, P, N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm 1991. Địa chỉ: A đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1996. Địa chỉ: 8 N, V, N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Anh Đ1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

6. Ông Trương Phi Long T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: 1 Miếu B, thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH V1 (trụ sở: QLIA, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng; mã số doanh nghiệp: 0401303837) được thành lập ngày 25/9/2009; ngành nghề kinh doanh: mua bán gạch men. Ngày 10/01/2022, Công ty TNHH V1 thành lập chi nhánh tại tỉnh Khánh Hòa với tên gọi Công ty TNHH MTV V1-V1 chi nhánh K1 (Mã số chi nhánh: 0401303837-002), trụ sở đặt tại Thôn I xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh T2; ngành nghề kinh doanh: mua bán gạch men. Đến ngày 08/11/2022, chi nhánh đổi tên thành Công ty TNHH V1 chi nhánh K1 (sau đây gọi là Công ty V1-King K). Sau khi thành lập Công ty V1, Công ty TNHH T9 (địa chỉ: thôn A xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Mã số doanh nghiệp: 4201746204; Giám đốc công ty cũng là ông Nguyễn Thanh T2) đã bàn giao thị trường và công nợ cũ năm 2021, công nợ năm 2022 cho Công ty V1-King K để tiến hành giải thể do Công ty T9 hoạt động không hiệu quả.

Ngày 10/01/2022, *Công ty V1-V1* bổ nhiệm *Nguyễn Hoàng P* làm quyền Phó Giám đốc công ty. Ngày 01/7/2022, *Nguyễn Hoàng P* được bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty theo hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ ngày 01/7/2022. Ngoài ra, trước đó *Nguyễn Hoàng P* cũng là Phó Giám đốc *Công ty TNHH T10*. Chức trách và nhiệm vụ của *P* tại *Công ty V1-N-King K* là thay mặt Giám đốc Công ty điều hành tất cả mọi hoạt động của Công ty đôn đốc các bộ phận, nhân viên; cùng kế toán kiểm tra, đối chiếu công nợ của cửa hàng để đôn đốc nhân viên kinh doanh thu hồi công nợ; điều phối, nhân sự trong Công ty; thu hồi công nợ của khách hàng nộp về Công ty. Từ khi thành lập, *Công ty V1-V1* đã bán gạch men nhiều công ty, cửa hàng trên địa bàn các *tỉnh Khánh Hòa, Đ, Phú Yên, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận*, trong đó có *Công ty TNHH G* (địa chỉ: *B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk*); *Cửa hàng T8* (địa chỉ: *TN113 T; thành phố P T, tỉnh Ninh Thuận*) và *Cửa hàng N2* (địa chỉ: *A L, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng*). Đồng thời, Công ty sử dụng phần mềm Asia Enterprise để quản lý hoạt động mua bán hàng, tiền công nợ đối với các khách hàng của Công ty. Trong phần mềm Asia sẽ thể hiện các thông tin: số tiền công nợ năm trước chuyển sang; ngày bán hàng; số

chứng từ; tên hàng hóa (mã gạch); số lượng (thùng, viên, mét); đơn giá; tiền vận chuyển (nếu có); chiết khấu thanh toán (nếu có); chiết khấu giảm giá (nếu có); tiền của đơn hàng; tiền cửa hàng thanh toán; tổng số tiền mua hàng trong kỳ; tổng số tiền cửa hàng đã thanh toán; số tiền còn lại cửa hàng phải thanh toán.

Trong thời gian làm Phó Giám đốc *Công ty V1-King K*, với chức vụ, quyền hạn được giao của mình, *Nguyễn Hoàng P* đã trực tiếp thực hiện các hoạt động mua bán gạch men giữa *Công ty V1-King K* với *Công ty G*, *Cửa hàng T8, Cửa hàng N*, cụ thể gồm các hoạt động: trực tiếp thực hiện việc nhận đơn hàng từ cửa hàng, thỏa thuận về giá bán với cửa hàng; trực tiếp nhận tiền cửa hàng thanh toán công nợ rồi về nộp vào *Công ty V1*; thực hiện việc đối chiếu, xác nhận công nợ với cửa hàng. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, *Nguyễn Hoàng P* đã trực tiếp nhận tiền thanh toán công nợ của *Công ty G*, *Cửa hàng H, Cửa hàng N* nhưng chỉ nộp một phần số tiền đã nhận vào *Công ty V1-King K*, số tiền còn lại *P* chiếm đoạt để tự ý thực hiện các hoạt động mà không được sự cho phép của Công ty và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra đến nay, theo số liệu tại *Công ty V1* xác định:

+ Công ty G:

Số liệu công nợ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/10/2022;

- Công nợ năm 2021 chuyển sang năm 2022: 356.662.000 đồng.

- Tổng số tiền mua hàng trong năm 2022: 2.778.332.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 07/10/2022, Công ty G có đặt mua của Công ty V1-N-King K đơn hàng 280 thùng gạch mã VT8222-A1, do nhầm lẫn trong việc lên đơn hàng nên Công ty V1-King K đã lên đơn hàng là Cửa hàng L4; tuy nhiên đơn hàng trên vẫn được giao đến Công ty G vào ngày 20/10/2022. Chi tiết đơn hàng trên: 280 thùng gạch mã VT8222-A1 (bằng 537,6m2) với giá 144.000đ/m2 = 77.414.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền phải thanh toán trong năm 2022: 356.662.000 đồng + 2.720.332.000 đồng + 77.414.000 đồng = 3.212.408.000 đồng.

Số tiền thực tế Công ty V1-King K được thanh toán trong năm 2022: 2.643.329.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng P đã nộp vào Công ty V1-V1 số tiền 77.414.000 đồng để thanh toán tiền của đơn hàng 280 thùng gạch mã VT8222-A1 mà Công ty G đặt mua (nhằm tất toán chứng từ về đơn hàng của cửa hàng L4).

Do đó, số tiền thực tế Công ty V1 được thành toán trong năm 2022: 2.643.329.000 đồng + 77.414.000 đồng = 2.720.743.000 đồng.

* Cửa hàng T8:

Số liệu công nợ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 21/10/2022:

- Công nợ năm 2021 chuyển sang năm 2022: 402.235.000 đồng;

- Tổng số tiền mua hàng trong năm 2022: 1.508.901.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền phải thanh toán trong năm 2022 là: 402.235.000 đồng + 1.508.901.000 đồng =1.911.136.000 đồng.

- Số tiền thực tế Công ty V1-King K được thanh toán trong năm 2022: 1.375.777.000 đồng.

- Số công nợ còn lại phải thanh toán: 535.359.000 đồng**.**

* Cửa hàng N2:

Số liệu công nợ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022:

- Công nợ năm 2021 chuyển sang năm 2022: 202.610.000 đồng;

- Số tiền mua hàng trong năm 2022: 670.155.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 01/3/2022, Cửa hàng N2 thông qua Nguyễn Hoàng P đặt mua của Công ty V1-N-King K đơn hàng trị giá 242.576.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng P đã lên đơn hàng là Cửa hàng H3 đặt mua nên đơn hàng trên không được thể hiện trong số liệu của Cửa hàng N2 mà thể hiện trong số liệu của Cửa hàng H3. Đơn hàng trên sau đó vẫn được giao cho Cửa hàng N2.

Do đó, tổng số tiền phải thanh toán trong năm 2022 là: 202.610.000 đồng + 670.155.000 đồng + 242.576.000 đồng = 1.115.341.000 đồng.

Số tiền thực tế Công ty V1-King K được thanh toán trong năm 2022: 702.388.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng P còn nộp vào Công ty V1-V1 số tiền 242.576.000 đồng để thanh toán tiền của đơn hàng mà cửa hàng N2 đặt mua vào ngày 01/3/2022 (nhằm tất toán cho chứng từ của cửa hàng H3).

Do đó, tổng số tiền thực tế Công ty V1-King K được thanh toán trong năm 2022 là 702.388.000 đồng + 242.576.000 đồng = 944.964.000 đồng.

Số tiền còn lạ phải thanh toán: 170.377.000 đồng.

Qua điều tra, Công ty G, Cửa hàng T8, Cửa hàng N2 xác định có thực hiện việc mua bán gạch men với Công ty TNHH T9 và Công ty V1, tất cả hoạt động mua bán được thực hiện thông qua Nguyễn Hoàng P. Việc thanh toán tiền mua hàng được thực hiện qua các hình thức: Trả tiền mặt, chuyển khoản vào tài khoản số 1025876880 mở tại ngân hàng V2 của công ty TNHH V1-King K; chuyển khoản vào số tài khoản 050116236998 mở tại ngân hàng S của Huỳnh Thị Kim L1 (kế toán Công ty được chỉ định nhận tiền công nợ); chuyển khoản vào số tài khoản 1030674906 mở tại ngân hàng V2 của Hà Thị T6 (kế toán công ty được chỉ

định nhận tiền công nợ); chuyển khoản vào số tài khoản 60110000916329 mở tại ngân hàng B và số tài khoản 0331003949414 mở tại ngân hàng V2 của Nguyễn Hoàng P. Cụ thể:

+ Công ty G:

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/01/2022, Công ty G đã thanh toán tiền công nợ cho Công ty V1-King K tổng cộng số tiền: 2.485.623.000 đồng + 596.368.000 đồng + 26.650.000 đồng = 3.108.641.000 đồng.

Trong đó: Chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V1-King K 2.485.623.000 đồng. Chuyển khoản vào số tài khoản 60110000916329, ngân hàng B của Nguyễn Hoàng P tổng số tiền là 596.368.000 đồng.

Ngày 01/4/2022, Công ty G thanh toán tiền vận chuyển 23.150.00 đồng; ngày 30/6/2022 Công ty G thanh toán tiền vận chuyển 3.500.000 đồng. Tổng cộng tiền vận chuyển Công ty G đã thanh toán là 26.650.000 đồng, số tiền này Nguyễn Hoàng P đồng ý giảm trừ vào công nợ của Công ty G.

Công ty G xác định đã thanh toán hết tiền công nợ cho Công ty V1-King K.

+ Cửa hàng T8:

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 21/10/2022, Cửa hàng T8 đã thanh toán tiền công nợ cho Công ty V1-King K tổng cộng số tiền 249.270.000 đồng + 1.249.009.000 đồng + 48.244.000 đồng = 1.546.523.000 đồng.

Cụ thể: Chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V1 (chuyển khoản vào số tài khoản của Huỳnh Thị Kim L1 và Hà Thị T6) số tiền: 249.270.000 đồng.

Trả tiền mặt cho Nguyễn Hoàng P và chuyển khoản vào số tài khoản 60110000916329 mở tại ngân hàng B của Nguyễn Hoàng P tổng cộng số tiền là 1.249.009.000 đồng.

Ngày 23/8/2022, Cửa hàng T8 thanh toán tiền vận chuyển 25.444.000 đồng; ngày 27/9/2022, Cửa hàng T8 thanh toán tiền vật chuyển 22.800.000 đồng. Tổng cộng tiền vận chuyển Cửa hàng T8 đã thanh toán toán là: 48.244.000 đồng, số tiền này Nguyễn Hoàng P đồng ý giảm trừ vào công nợ của Cửa hàng T8.

Cửa hàng T8 xác định đã thanh toán hết tiền công nợ V-N-King K.

+ Cửa hàng N2:

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, Cửa hàng N3 công nợ cho Công ty V1-King K tổng cộng số tiền: 60.000.000 đồng + 1.137.000.000 đồng = 1.197.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V1 (chuyển khoản vào số tài khoản của Huỳnh Thị Kim L1 và Hà Thị T6) số tiền 60.000.000 đồng.

- Chuyển khoản vào số tài khoản 0331003949414 mở tại ngân V2 của Nguyễn Hoàng P tổng cộng 1.137.000.000 đồng. Cửa hàng N2 xác định đã thanh toán hết tiền công nợ cho Công ty V1-King K.

Nguyễn Hoàng P đã chiếm đoạt tiền của Công ty V1-K thông qua việc thu tiền của các Công ty, Cửa hàng thanh toán tiền như sau:

- Đối với Công ty TNHH G:

Công ty G xác định đã thanh toán hết tiền công nợ cho Công ty V1-King K, trong đó Công ty G đã chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V1-V1 tổng số tiền 2.485.623.000 đồng; số tiền công nợ còn lại Công ty G thanh toán bằng cách chuyển khoản cho Nguyễn Hoàng P. Do đó, số tiền Nguyễn Hoàng P phải nộp vào Công ty V1 để tất toán công nợ cho Công ty G là: 3.212.408.000 đồng (tiền Công ty G phải thanh toán trong năm 2022) - 2.485.623.000 đồng = 726.785.000 đồng.

Nguyễn Hoàng P đã sử dụng tài khoản cá nhân của P số 60110000916329 mở tại ngân hàng B nhận tổng cộng 640.000.000 đồng tiền Công ty G thanh toán công nợ cho Công ty V1-King K. Sau đó, ngày 09/9/2022, Nguyễn Hoàng P đã chuyển trả lại cho Công ty G số tiền 43.632.000đ (trả lại tiền mua đơn hàng 300 thùng gạch mã VT6273A1 ngày 12/8/2022 do không giao được hàng cho Công ty G). Do đó xác định số tiền Nguyễn Hoàng P đã nhận của Công ty G là: 640.000.000 đồng - 43.632.000 đồng = 596.368.000 đồng.

Sau khi nhận tiền trên, Nguyễn Hoàng P đã nộp vào Công ty V1-V1 Chi nhánh K1 tổng cộng 141.230.000 đồng để giảm trừ công nợ cho Công ty G; nộp 77.414.000 đồng để thanh toán tiền của đơn hàng 280 thùng gạch mã VT8222-A1 mà Công ty G đặt mua vào ngày 07/10/2022 nhưng Công ty V1-King K thể hiện là Cửa hàng L4 đặt mua.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng P khai số tiền 10.048.000 đồng (tiền Công ty V1 xử lý gạch lỗi cho Công ty G vào ngày 21/7/2022) và số tiền 3.318.000 đồng và 3.110.000 đồng (tiền Công ty V1 chiết khấu cho Công ty G vào các ngày 04/8/2022 và 20/10/2022 do đạt sản lượng), Nguyễn Hoàng P đã sử dụng tiền cá nhân của P trả tiền mặt cho Công ty G. Sau khi Công ty V1-V1 số tiền trên, P đã chỉ đạo kế toán nộp số tiên trên vào.

Sau khi Công ty V1-V1 số tiền trên, P đã chỉ đạo kế toán nộp số tiền trên vào Công ty V1-V1 để giảm trừ công nợ cho Công ty G. Do đó, số tiền trên phải được tính là tiền Phương nộp vào Công ty V1-V1 để giảm trừ công nợ cho Công ty G. Tuy nhiên, Công ty G khai không nhận được số tiền nêu trên mà số tiền nêu trên được giảm trừ thẳng vào công nợ của Công ty G. Lời khai của Nguyễn Hoàng P và người đại diện theo pháp luật của Công ty G không thống nhất, đồng thời không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định lời khai của Nguyễn Hoàng P hay lời

khai của phía Công ty G là đúng, do đó không đủ căn cứ xác định số tiền trên là tiền Nguyễn Hoàng P nộp vào Công ty V1-King K từ tiền nhận của Công ty G.

Như vậy, số tiền Nguyễn Hoàng P nhận từ Công ty G nhưng không nộp về Công ty V1 là: 596.368.000 đồng (141.230.000 đồng +77.414.000 đồng) = **377.724.000 đồng.**

+ Đối với Cửa hàng T8:

Cửa hàng T8 xác định đã thanh toán hết tiền công nợ cho Công ty V1-King K, trong đó Cửa hàng T8 đã chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V1-V1 tổng số tiền 249.270.000 đồng; số tiền công nợ còn lại Cửa hàng T8 thanh toán bằng cách chuyển khoản cho Nguyễn Hoàng P. Do đó, số tiền Nguyễn Hoàng P phải nộp vào Công ty V1-N-V1 để tất toán công nợ cho Cửa hàng T8 là: 1.911.136.000 đồng (tiền Cửa hàng T8 phải thanh toán trong năm 2022) – 249.270.000 đồng = 1.661.866.000 đồng.

Nguyễn Hoàng P đã sử dụng tài khoản cá nhân của P số 60110000916329 mở tại ngân hàng B nhận tổng cộng 1.128.210.000đ và nhận tiền mặt tổng cộng 94.610.000 đồng tiền Cửa hàng T8 thanh toán công nợ cho Công ty V1-King K.

Ngoài ra, Cửa hàng T8 xác định ngày 29/9/2022, Cửa hàng T8 trả tiền mặt cho Nguyễn Hoàng P số tiền 26.198.000 đồng để thanh toán công nợ cho Công ty V1-V1, P đã ký xác nhận tại sổ của Cửa hàng T8. Nguyễn Hoàng P trình bày có ký nhận số tiền 26.198.000 đồng vào ngày 29/9/2022 tại sổ của Cửa hàng T8 nhưng thực tế P không nhận số tiền trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Hoàng P và ông Nguyễn Ngọc H – chủ Cửa hàng Hưng T ịnh đối chất, kết quả Nguyễn Hoàng P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho cho việc P chỉ ký nhận chứ thực tế không nhận số tiền trên.

Do đó, tổng số tiền Nguyễn Hoàng P đã nhận của Cửa hàng T8 là: 1.128.210.000 đồng + 94.610.000 đồng + 26.198.000 đồng = **1.249.018.000 đồng.**

Sau khi nhận tiền từ Cửa hàng T8, Nguyễn Hoàng P đã nộp vào Công ty V1-N-V1 tổng cộng 998.917.000 đồng để giảm trừ công nợ cho Cửa hàng T8.

Nguyễn Hoàng P khai trong năm 2022, P đã trả cho Cửa hàng T8 khoảng 145.000.000 đồng tiền xử lý gạch lỗi năm 2021 từ tiền cả nhân của P. Sau đó, Công ty V1 nhận được 127.590.000 đồng do Nhà máy xử lý gạch lỗi cho Cửa hàng T8, P đã chỉ đạo kế toán nộp số tiền trên vào Công ty V1-V1 để giảm trừ công nợ cho Cửa hàng T8 chứ không trả cho Cửa hàng T8 (do trước đó P đã sử dụng tiền cá nhân trả số tiền trên cho Cửa hàng T8). P xác định số tiền 127.590.000 đồng trên phải được tính là tiền Phương nộp vào Công ty V1-V1 trong số tiền

Phương đã nhận từ Cửa hàng T8. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định ngày 26/01/2022, Cửa hàng T8 đã thanh toán hết công nợ năm 2021 cho Công ty T9 và Công ty V1-King K nhưng chứng từ tại Công ty V1 thể hiện công nợ của Cửa hàng T8 tại ngày 26/01/2022 là 161.551.000 đồng. Do đó, số tiền 127.590.000 đồng nêu trên là tiền Phương nộp V-N-King Khánh H2 để thanh toán số tiền công nợ năm 2021 cho Cửa hàng T8, không phải là tiền Phương nộp vào Công ty V1-King K từ tiền nhận của Cửa hàng T8.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng P còn khai nhận, trong số Cửa hàng T8 trong năm 2022, P đã chuyển trả lại cho Cửa hàng T8 tổng cộng 85.000.000 đồng theo đề nghị của ông Nguyễn Ngọc H – chủ Cửa hàng T8. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc H khai số tiền 85.000.000 đồng nêu trên là tiền Nguyễn Hoàng P chuyển cho Cửa hàng T8 để trả số tiền 145.000.000 đồng xử lý hàng lỗi năm 2021.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Hoàng P và ông Nguyễn Ngọc H đối chất để làm rõ mâu thuẫn về số tiền 85.000.000 đồng nêu trên, kết quả Nguyễn Hoàng P khẳng định số tiền 85.000.000 đồng nêu trên là tiền Phương chuyển trả lại cho Cửa hàng T8 từ số tiền Phương đã nhận của Cửa hàng T8 trong năm 2022; ông Nguyễn Ngọc H khẳng định số tiền 85.000.000 đồng nêu trên là tiền Phương chuyển trả cho Cửa hàng T8 để trả số tiền 145.000.000 đồng xử lý gạch lỗi năm 2021. Ngoài lời khai của Nguyễn Hoàng P và ông Nguyễn Ngọc H, không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định lời khai của Nguyễn Hoàng P hay lời khai của ông Nguyễn Ngọc H đúng. Do đó không đủ căn cứ để xác định số tiền 85.000.00 đồng trên là tiền Phương chuyển trả lại cho Cửa hàng T8 từ số tiền đã nhận của Cửa hàng T8 trong năm 2022.

Như vậy, số tiền Nguyễn Hoàng P đã nhận của Cửa hàng T8 nhưng không nộp vào Công ty V1-V1 là: **1.249.018.01** đồng - 998.917.000 đồng = **250.101.000 đồng.**

+ Đối với Cửa hàng N2:

Cửa hàng N2 xác định đã thanh toán hết tiền công nợ cho Công ty V1-King K, trong đó Cửa hàng N2 đã chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V1-V1 tổng số tiền 60.000.000 đồng, được xử lý hàng lỗi số tiền 50.000.000 đồng; Số tiền còn nợ lại của cửa hàng N2 thanh toán bằng cách chuyển khoản cho Nguyễn Hoàng P. Do đó, số tiền Nguyễn Hoàng P phải nộp vào Công ty V1-N-V1 để tất toán công nợ cho Cửa hàng N2 là 1. 115.341.000 đồng (tiền Cửa hàng N2 phải thanh toán trong năm 2022 - (60.000.000 đồng + 5.000.000 đồng) = 1.050.341.000 đồng.

Nguyễn Hoàng P đã sử dụng tài khoản cá nhân số 0331003949414 mở tại ngân hàng V2 nhận của Cửa hàng N2 tổng cộng: 1.137.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền từ Cửa hàng N2, Nguyễn Hoàng P đã nộp vào Công ty V1-N-V1 tổng cộng 637.388.000 đồng để giảm trừ công nợ cho Cửa hàng N2. Ngoài ra, Nguyễn Hoàng P đã nộp vào Công ty TNHH V1-V1 số tiền 242.576.000 đồng để thanh toán tiền đơn hàng của Cửa hàng N2 mua nhưng thể hiện là Cửa hàng H3 mua.

Do đó, tổng số tiền Nguyễn Hoàng P đã nộp vào Công ty V1-N -V1 để thanh toán công nợ cho Cửa hàng N2 là: l637.388.000 đồng + 242.576.000 đồng = 879.964.000 đồng.

Như vậy, số tiền Phương đã nhận từ Cửa hàng N2 nhưng không nộp về Công ty V1-V1 là: 1.137.000.000 đồng - 879.964.000 đồng = 257.036.000 đồng.

Căn cứ số tiền Phương phải nộp vào Công ty V1 để tất toán công nợ cho Cửa hàng N2 (1.050.341.000 đồng) trừ đi số tiền thực tế P đã nộp vào Công ty V1-V1 để giảm trừ công nợ cho Cửa hàng N2 (879.964.000 đồng) thì số tiền Phương còn phải nộp vào Công ty V1-V1 là 170.377.000 đồng để tất toán công nợ cho Cửa hàng N2. Do đó xác định trong số tiền 257.036.000 đồng nêu trên thì số tiền Cửa hàng N2 thanh toán công nợ thông qua P nhưng P không nộp về Công ty là 170.377.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình đối chiếu việc mua bán hàng giữa Nguyễn Hoàng P với Công ty G, Cửa hàng T8 phát hiện P đã tự ý bán hàng cho hai cửa hàng trên với giá thấp hơn giá niêm yết của Công ty V1 trong khi việc làm trên không được Công ty V1 cho phép, dẫn đến trực tiếp gây thiệt hại cho Công ty số tiền cụ thể như sau:

Đối với Công ty G: Số tiền công nợ Công ty V1-V1 xác định Công ty G còn nợ là 491.665.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng P chị chiếm đoạt 377.724.000 đồng. Do đó, số tiền 113.941.000 đồng còn thiếu là tiền Công ty V1-N-V1 bị thiệt hại do P bán hàng với giá thấp hơn giá niêm yết.

Đối với Cửa hàng T8: Số tiền công nợ Công ty V1-V1 xác định Cửa hàng T8 còn nợ là 535.359.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Hoàng P chỉ chiếm đoạt 250.101.000 đồng. Do đó, số tiền 285.258.000 đồng còn thiếu là tiền Công ty V1-N-V1 bị thiệt hại do P bán hàng với giá thấp hơn giá niêm yết.

Đối với số tiền Nguyễn Hoàng P đã nhận của Công ty G, Cửa hàng H, Cửa hàng N nhưng không nộp vào Công ty V1, P khai Phương được Giám đốc Công ty V1-N-V1 giao quyền tự quyết định tổ chức thực hiện các chương trình mà không cần thông qua ý kiến của Giám đốc nên P đã sử dụng một phần để mua vàng, mua điện thoại hiệu Iphone làm chương trình tặng vàng, tặng điện thoại Iphone cho các cửa hàng. Số tiền còn lại, P sử dụng vào mục đích cá nhân. Tuy nhiên, P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc được giao quyền tổ chức thực hiện các chương trình như trên. Đồng thời Công ty V1-King K xác

định Nguyễn Hoàng P không được quyền tự quyết định tổ chức các chương trình tại Công ty V1-King K mà không thông qua ý kiến của Giám đốc; các chương trình do Công ty V1-King K triển khai bắt buộc phải được ông Nguyễn Thanh T2 - Giám đốc công ty đồng ý phê duyệt mới được triển khai thực hiện. Trong năm 2022, Công ty V1-King K không triển khai bất kỳ chương trình tặng vàng, tặng điện thoại Iphone nào.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng P 17 *(Mười bảy)* năm tù về tội *"Tham ô tài sản"*. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng P phải bồi thường cho bị hại Công ty V1 chi nhánh K1 số tiền 798.202.000 đồng *(Bảy trăm chín mươi tám triệu, hai trăm lẻ hai ngàn đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2025, bị cáo Nguyễn Hoàng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm kêu oan.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng quá trình điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm thiếu khách quan, một số chứng cứ bị nguỵ tạo để đổ tội cho bị cáo như sau:

- Quyết định số 01/QĐ/VNK002 ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc phân công công việc của bộ phận quản lý, kinh doanh (BL128) do Giám đốc Công ty TNHH MTV V1-V1 chi nhánh K1 là ông Nguyễn Thanh T2 ký phân công công việc cho Nguyễn Hoàng P. Bị cáo cho rằng ông T2 đã cố tình nguỵ tạo chứng cứ nhằm tố cáo ông nên đã cẩu thả không nhận ra vấn đề vì không thể có việc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu Công ty được cấp ngày 10/01/2022 (BL51) nhưng ông T2 đã có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và con dấu do Công an cấp để ký trong cùng 01 ngày giao việc cho bị cáo. Quyết định phân công công việc quản lý chi nhánh cho bị cáo là một quyết định khác có nội dung bị cáo được toàn quyền điều hành hoạt động của Công ty.

- Các khoản nợ của Công ty TNHH G với Công ty V1 thực chất có một phần khoản nợ của C g ty Mầu L2 với Công ty V3 chuyển sang chứ không phải toàn

bộ là khoản nợ trong thời gian bị cáo quản lý Công Ty V1 (từ BL 151 đến BL 160).

- Trong thời gian bị cáo được giao toàn quyền quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty V1 thì bị cáo được giao toàn quyền điều hành hoạt động của Công ty miễn sao hoạt động kinh doanh có hiệu quả và có lãi báo về Công ty, trong đó bị cáo có tổ chức chương trình khuyến mãi, tri ân khách hàng, đổi hàng bị lỗi của cửa hàng M2 (BL 162 đến BL 168) và Cửa hàng T8 (BL 199, 200) chứ không như ông T2 tố cáo. Bị cáo không tư lợi cá nhân. Trong trường hợp cho rằng bị cáo có chiếm đoạt tài sản Công ty thì phải trừ số tiền bị cáo sử dụng cho Công ty là bao nhiêu, nếu thâm hụt thì mới nói bị cáo chiếm đoạt tài sản để kết tội bị cáo tham ô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Trong quá trình điều tra truy tố xét xử; Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty G, bà Cao Thị Thu N1, ông Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trên.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Hoàng P thì thấy:

[2.1] Quyết định số 01/QĐ/VNK002 ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc phân công công việc của bộ phận quản lý, kinh doanh (BL128) do Giám đốc Công ty TNHH MTV V1-V1 chi nhánh K1 ông Nguyễn Thanh T2 ký phân công công việc cho Nguyễn Hoàng P. HĐXX thấy rằng không thể có việc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh lần đầu Công ty được cấp ngày 10/01/2022 (BL51) nhưng ông T2 đã có giấy chứng nhận và con dấu do Công an cấp để ký trong cùng 01 ngày giao việc cho bị cáo là chưa đảm bảo tính khách quan. Quá trình điều tra chưa thu thập tài liệu thể hiện Công ty V1 nhận giấy chứng nhận đăng ký hoạt

động Chi nhánh lần đầu do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Khánh Hoà (BL 127) giao vào thời gian nào? Ai là người nhận? Công an cấp dấu cho Chi nhánh Công ty vào thời gian nào? Ai là người nhận? Có đảm bảo phù hợp về mặt thời gian như bị cáo khai nại về tính khách quan của Quyết định 01 hay không?

Như vậy, ngoài Quyết định số 01 nêu trên ra thì Công ty còn có quyết định nào khác giao cho bị cáo được toàn quyết định hoạt động kinh doanh của Công ty không? Những vấn đề này chưa được làm rõ trong quá trình điều tra.

[2.2] Các khoản nợ của Công ty TNHH G với Công ty V1 thực chất có một phần khoản nợ của Công ty G với công ty V3 chuyển sang chứ không phải toàn bộ là khoản nợ trong thời gian bị cáo quản lý Chi nhánh Công Ty V1 (từ BL 151 đến BL 160).

Trong thời gian bị cáo được giao toàn quyền quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty V1 thì bị cáo được giao toàn quyền điều hành hoạt động của Công ty miễn sao hoạt động kinh doanh có hiệu quả và có lãi báo về Công ty, trong đó có chương trình khuyến mãi, tri ân khách hàng, đổi hàng bị lỗi của cửa hàng M2 (BL 162 đến BL 168) và Cửa hàng T8 (BL 199, 200) thì Công ty có biết và sau đó Công ty có trừ công nợ đối với số gạch lỗi trên cho các của hàng gạch men Hưng T7 và một số đơn vị khác.

[2.3] Nguyễn Hoàng P khai trong năm 2022, P đã trả cho Cửa hàng T8 khoảng 145.000.000 đồng tiền xử lý gạch lỗi năm 2021 từ tiền của nhân của P. Sau đó, Công ty V1 nhận được 127.590.000 đồng do Nhà máy xử lý gạch lỗi cho Cửa hàng T8, P đã chỉ đạo kế toán nộp số tiền trên vào Công ty V1-V1 để giảm trừ công nợ cho Cửa hàng T8 chứ không trả cho Cửa hàng T8 (do trước đó P đã sử dụng tiền cá nhân trả số tiền trên cho Cửa hàng T8). P xác định số tiền 127.590.000 đồng trên phải được tính là tiền Phương nộp vào Công ty V1-V1 trong số tiền Phương đã nhận từ Cửa hàng T8. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định ngày 26/01/2022, Cửa hàng T8 đã thanh toán hết công nợ năm 2021 cho Công ty T9 và Công ty V1-King K nhưng chứng từ tại Công ty V1-K thể hiện công nợ của Cửa hàng T8 vào ngày 26/01/2022 là 161.551.000 đồng. Do đó, số tiền 127.590.000 đồng nêu trên là tiền Phương nộp vào Công ty V1-N-King K để thanh toán số tiền công nợ năm 2021 cho Cửa hàng T8, không phải là tiền Phương nộp vào Công ty V1-King K từ tiền nhận của Cửa hàng T8.

Ngoài ra, Nguyễn Hoàng P còn khai nhận, trong số Cửa hàng T8 trong năm 2022, P đã chuyển trả lại cho Cửa hàng T8 tổng cộng 85.000.000 đồng theo đề nghị của ông Nguyễn Ngọc H – chủ Cửa hàng T8. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc H khai số tiền 85.000.000 đồng nêu trên là tiền Nguyễn Hoàng P chuyển cho Cửa hàng T8 để trả số tiền 145.000.000 đồng xử lý hàng lỗi năm 2021.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Hoàng P và ông Nguyễn Ngọc H đối chất để làm rõ mâu thuẫn về số tiền 85.000.000 đồng nêu trên, kết quả Nguyễn Hoàng P khẳng định số tiền 85.000.000 đồng nêu trên là tiền Phương chuyển trả lại cho Cửa hàng T8 từ số tiền Phương đã nhận của Cửa hàng T8 trong năm 2022; ông Nguyễn Ngọc H khẳng định số tiền 85.000.000 đồng nêu trên là tiền Phương chuyển trả cho Cửa hàng T8 để trả số tiền 145.000.000 đồng xử lý gạch lỗi năm 2021. Ngoài lời khai của Nguyễn Hoàng P và ông Nguyễn Ngọc H, không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định lời khai của Nguyễn Hoàng P hay lời khai của ông Nguyễn Ngọc H là đúng.

Những vấn đề trên vẫn chưa được chứng minh làm rõ dòng tiền thanh toán cho nhau.

[2.4] Như vậy ở đây có thể thấy bị cáo P sau khi khách hàng báo hàng hoá là gạch men Công ty V4 giao bị lỗi thì bị cáo đã chủ động khấu trừ tiền trước cho khách hàng kịp thời sau đó báo cáo về Công ty để xử lý trừ tiền sau và Công ty đồng ý với cách xử lý của bị cáo không có ý kiến gì.

Do đó cần làm rõ ngoài việc bán hàng, thu nợ ra thì bị cáo còn được giao nhiệm vụ gì trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh chứ không như ý kiến của ông T2 cho rằng bị cáo không có quyền thực hiện chương trình khuyến mãi với khách hàng; việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao cụ thể như thế nào quy định tại Điều 2 Quyết định số 01 cũng chưa được làm rõ; chi tiết các chỉ tiêu kinh doanh là gì? có KPI hay không? Quá trình hoạt động Chi nhánh Công ty do bị cáo điều hành lãi hay lỗ vẫn chưa được xác định.

[2.5] Bị cáo có tặng vàng, điện thoại, làm kệ trưng bày cho khách hàng và khách hàng thừa nhận nhưng chưa được xem xét vì bị cáo làm những việc trên không vì động cơ vụ lợi cá nhân mà vì hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng bị cáo thực hiện vượt quá phạm vi được giao thì cần định giá các tài sản trên để để giảm trừ số tiền được rằng bị cáo chiếm đoạt của Công ty.

[2.6] Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó cần huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 358 BLTTHS.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nhưng không được Viện kiểm sát cùng cấp chấp nhận nên Toà án cấp sơ thẩm không có lỗi trong trường hợp này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà để điều tra lại.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- CQCSĐT Công an tỉnh Khánh Hoà;
- CQTHAHS Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng